

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
<i>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	8 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2022	11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2022	12 – 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là “**Công ty**”) nguyên là Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được cổ phần hóa theo Quyết định số **3528A/QĐ-UBND** ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, mã số doanh nghiệp **3500614211**, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

❖ **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (84-0254) 385 3125
- Fax : (84-0254) 351 1385
- MS DN : 3 5 0 0 6 1 4 2 1 1
- Website : www.busadco.com.vn
- E-mail : info@busadco.com.vn

❖ **Các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên doanh liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng – Cấu trúc công ty.**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (nhiệm kỳ 2018 – 2023)

1. Bà Nguyễn Thị Hương Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Hoàng Đức Thảo Phó Chủ tịch thường trực
3. Ông Nguyễn Văn Lư Thành viên
4. Ông Nguyễn Văn Sang Thành viên
5. Ông Hoàng Đình Nhu Thành viên

Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2018 – 2023)

1. Bà Hoàng Thị Thắm Trưởng ban
2. Bà Hoàng Thị Vui Thành viên
3. Ông Hoàng Văn Nghĩa Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Hoàng Đức Thảo Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Ông Đỗ Anh Tuấn Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Hoàng Thị Minh Trang Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Tôn Thất Kha Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Hoàng Văn Nghĩa Phó Tổng Giám đốc
6. Ông Nguyễn Quang Tùng Phó Tổng Giám đốc

Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Bà Hoàng Thị Hường.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 08 đến trang 43.

Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 đính kèm không bao gồm hợp nhất tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước. ✓

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty ✓



Tổng Giám đốc – Hoàng Đức Thảo

Thành phố Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Số: 0112.04.01/2023/BCTC-NVT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Liên quan đến “Công trình kè Rạch Gốc”, do chưa thể thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết về khoản Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận tại chỉ tiêu Hàng tồn kho (Thuyết minh V.7) nên chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến trình bày về chỉ tiêu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng vì vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho niên độ kế toán kết thúc 2022 cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến đã trình bày, ở đây chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo về vấn đề sau:

Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 11 năm 2020 nhưng các cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa chưa ra Quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt



Phó Tổng Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2023-124-1

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4287-2023-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		217.588.766.930	262.199.068.710
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	12.655.817.554	34.458.622.104
111	1. Tiền		12.655.817.554	24.458.622.104
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		79.319.287.557	80.846.418.585
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	36.402.702.348	60.431.122.041
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	19.846.591.865	4.358.810.270
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	30.903.697.947	25.886.162.712
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(7.833.704.603)	(9.829.676.438)
140	IV. Hàng tồn kho		115.561.384.806	136.841.751.008
141	1. Hàng tồn kho	V.7	115.561.384.806	136.841.751.008
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.277.013	52.277.013
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.8	52.277.013	52.277.013
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		103.265.014.147	58.493.488.595
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.670.611	50.670.611
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.9	50.670.611	50.670.611
220	II. Tài sản cố định		25.179.726.449	22.222.257.423
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	25.179.726.449	22.222.257.423
222	- Nguyên giá		123.161.181.989	115.403.291.976
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.981.455.540)	(93.181.034.553)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	-	-
228	- Nguyên giá		117.015.000	117.015.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.015.000)	(117.015.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		42.576.635.903	2.375.128.402
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	42.576.635.903	2.375.128.402
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		20.329.854.794	20.112.354.794
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.13	12.333.354.794	12.115.854.794
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.14	7.996.500.000	7.996.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.128.126.390	13.733.077.365
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.15	15.128.126.390	13.733.077.365
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		320.853.781.077	320.692.557.305

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		215.981.090.693	202.023.130.284
310	I. Nợ ngắn hạn		215.624.971.693	201.667.011.284
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	65.969.707.924	54.059.181.152
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	60.574.837.404	31.179.205.498
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	11.155.894.005	23.942.669.062
314	4. Phải trả người lao động	V.19	2.524.305.649	1.470.114.266
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	38.906.074.037	50.251.823.847
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	16.961.677.901	17.938.770.015
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22	21.462.468.267	22.825.247.444
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	(1.929.993.494)	-
330	II. Nợ dài hạn		356.119.000	356.119.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.24	356.119.000	356.119.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		104.872.690.384	118.669.427.021
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	104.872.690.384	118.669.427.021
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.25.1	100.000.000.000	100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.25.2	4.872.690.384	18.669.427.021
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		169.427.021	147.924.024
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.703.263.363	18.521.502.997
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		320.853.781.077	320.692.557.305

Thành phố Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Gấm

Hoàng Thị Hường

Hoàng Đức Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		257.260.108.315	312.788.617.174
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		5.593.071.900	114.152.724
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	251.667.036.415	312.674.464.450
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.27	176.954.466.120	223.656.597.428
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.712.570.295	89.017.867.022
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.28	1.082.624.715	1.502.060.881
22	7. Chi phí tài chính	VI.29	1.888.042.173	670.991.094
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.564.737.455</i>	<i>670.678.909</i>
25	8. Chi phí bán hàng	VI.30	4.418.293.934	5.808.633.337
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.31	62.899.353.343	63.018.371.208
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.589.505.560	21.021.932.264
31	11. Thu nhập khác		30.607.539	92.485.022
32	12. Chi phí khác	VI.32	630.339.317	210.191.217
40	13. Lợi nhuận khác		(599.731.778)	(117.706.195)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.989.773.782	20.904.226.069
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.33	1.286.510.419	2.382.723.072
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		4.703.263.363	18.521.502.997

Thành phố Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hường

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		330.333.079.051	382.729.048.155
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(124.436.326.002)	(151.124.341.810)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(68.690.290.619)	(59.792.844.188)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V1.29	(1.564.737.455)	(670.678.909)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.18	(2.401.258.130)	(1.044.751.137)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.632.431.035	6.653.375.132
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(112.323.746.576)	(127.733.152.217)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.549.151.304	49.016.655.026
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28.434.630.002)	(11.693.063.637)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(17.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	17.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.13	(217.500.000)	(182.500.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.28	1.082.624.715	1.502.060.881
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27.569.505.287)	(10.373.502.756)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.22	36.473.270.335	39.689.908.886
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.22	(37.836.049.512)	(34.395.861.343)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.419.671.390)	(18.928.903.045)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19.782.450.567)	(13.634.855.502)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(21.802.804.550)	25.008.296.768
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	34.458.622.104	9.450.325.336
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	12.655.817.554	34.458.622.104


Thành phố Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hường

Trưởng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

NĂM 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”).

Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2022 đính kèm không bao gồm hợp nhất tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Ngành nghề kinh doanh :

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (Chi tiết: Đầu nối hệ thống thoát nước; Bao tiêu trọn gói hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường);
- Thi công xây lắp các loại công trình chuyên ngành cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện đến 35 KV; Thi công nạo vét sông, hồ, bến cảng; Thi công các công trình nông, lâm, thủy; Thi công các công trình cầu, đường, giao thông vận tải, các công trình hoa viên; Đầu tư xây dựng các công trình: Thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xây dựng nghĩa trang hoa viên;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, các thiết bị, phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Điều tra khảo sát địa hình, địa chất, khí tượng thủy văn, nước thải, chất thải; Thiết kế công trình cấp nước, thoát nước; Thiết kế công trình xử lý chất thải rắn, lỏng và khí; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thẩm tra thiết kế-tổng dự toán các Công trình: Cấp nước, thoát nước, công trình dân dụng công trình thủy lợi và công trình xử lý chất thải rắn, khí và lỏng);
- Nghiên cứu ứng dụng các công trình khoa học, công nghệ bảo vệ môi trường; Hợp tác với các tổ chức và các nhà khoa học trong và ngoài nước trong lĩnh vực sáng tạo khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất và đời sống; Cung cấp hoặc chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

20384
ÔNG
TNH
M T
N TÂN
PHỐ

1217
TY
HÀN
ÔNG N
NAM
RIAS

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo thông báo số 1088/TB-SGDHN ngày 22/3/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (Mã chứng khoán BUD, số lượng 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu) từ ngày 04/4/2022.

Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên kết của Công ty gồm có:

❖ Các Đơn vị trực thuộc:

Đơn vị	Mã số thuế	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty	3500614211	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
2. Công ty Khoa học và Công nghệ - Chi nhánh Công ty CP Khoa học Công nghệ Việt Nam	3500614211-003	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3. Chi nhánh Miền Bắc - Chi nhánh Công ty CP Khoa học Công nghệ Việt Nam	3500614211-001	Thôn 6, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

❖ Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết

Công ty	Hoạt động chính	Mã số thuế	Vốn đầu tư của Công ty tại Công ty con	Tỷ lệ sở hữu
1. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng, Dịch vụ	3501317349	12.323.354.793	67,49%
2. Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ công ích, Xây dựng	3500119584	7.996.500.000	39,98%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm Tiền mặt tại quỹ và Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Hàng tồn kho của Công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc và thiết bị	03 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

❖ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ **Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

❖ **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

10. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

12. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả, chi phí lãi tiền vay trả sau và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước).

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắn chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

❖ ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

❖ ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ ***Trích lập các quỹ***

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;

- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng (HĐXD) được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

- a. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện HĐXD được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo



tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- b. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

17. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

18. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên Thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VII – **Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

21. Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý trên lãnh thổ Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

	Đơn vị: Đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	7.336.305.672	234.915.572
- Tiền gửi ngân hàng	[*] 5.319.511.882	24.223.706.532
- Các khoản tương đương tiền	[**] -	10.000.000.000
Cộng	12.655.817.554	34.458.622.104
[*] Trong đó Tiền gửi có gốc ngoại tệ	USD 115.13	USD 128.33

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

[**] Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn** 10.000.000.000 10.000.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/HĐT.G.760.600410 ngày 31/7/2019. Khoản tiền gửi này dùng để cầm cố bảo lãnh khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Thuyết minh số V.22).

3. **Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Quận Hoàn Kiếm	10.296.081.000	10.296.081.000
- Công ty Cổ phần khu Du lịch Làng Chài	5.427.028.000	-
- TT Quản lý các khu xử lý chất thải (TT Quản lý hạ tầng Kỹ thuật Bà Rịa - Vũng Tàu)	4.266.138.672	12.340.788.444
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu [a]	4.056.341.829	6.898.112.305
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng cấp thoát nước Viwase2 [b]	1.707.135.000	1.707.135.000
- Công ty Xây dựng Đồng Tâm [b]	1.200.173.500	1.200.173.500
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị	894.000.000	1.015.988.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Suối Nhum	823.620.979	-
- Ủy ban nhân dân Xã Quang Bình	649.176.400	649.176.400
- Công ty CP Xây lắp Thủy lợi Hưng Yên	269.153.000	1.122.787.500
- Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	-	7.614.393.863
- Công ty CP Xây dựng và Thiết kế số 1 (Decofi) - Kè Quê hương	-	5.572.619.000
- Các đối tượng khác [b]	6.813.853.968	12.013.867.029
Cộng	36.402.702.348	60.431.122.041

[a] Bên liên quan.

[b] Trong đó Nợ phải thu tồn đọng, khó đòi đã được trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng giá trị trích lập là **7.318.801.803 Đồng** (Tham chiếu Thuyết minh số V.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Alpha Việt	3.663.435.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng An Nguyên	3.087.285.905	-
- Công ty TNHH TM và XD Tân Phát	2.747.652.545	-
- Công ty TNHH Huy An	2.491.127.100	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tre Xanh	2.344.458.000	-
- Công ty TNHH Minh Danh	1.295.829.120	-
- Công ty CP ĐTTM và XD Đô thị Hà Nội	1.089.214.000	1.089.214.000
- Chi phí Ban QLDA 3 tuyến Bà Rịa	830.023.757	830.023.757
- Nguyễn Thị Trinh	180.000.000	180.000.000
- Sở Kế hoạch và Đầu tư	271.320.000	271.320.000
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Toàn Thắng [*]	135.000.000	135.000.000
- Trần Thị Phương Anh (Công ty Vững Áng) [*]	132.787.400	132.787.400
- Nguyễn Quang Tùng	100.000.000	100.000.000
- Đinh Công Sản	100.000.000	100.000.000
- Các đối tượng khác [*]	1.378.459.038	1.520.465.113
Cộng	19.846.591.865	4.358.810.270

[*] Trong đó Nợ phải thu tồn đọng đã được trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng giá trị trích lập là 514.902.800 Đồng (Tham chiếu Thuyết minh số V.6).

5. Phải thu ngắn hạn khác

5.1 Phải thu người lao động	657.028.720	-
5.2 Tạm ứng	10.605.796.913	2.075.975.458
5.3 Phải thu khác	19.640.872.314	23.810.187.254
Cộng	30.903.697.947	25.886.162.712

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

5.2 Tạm ứng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hoàng Văn Thắng	2.436.948.025	103.871.609
- Nguyễn Ngọc Ánh	2.077.829.386	-
- Nguyễn Văn Dương	1.521.714.917	780.397.764
- Nguyễn Mạnh Hùng	995.017.092	6.399.614
- Vũ Duy Toàn	439.220.500	117.490.000
- Phạm Thành Trung	297.988.601	30.000.000
- Lê Đăng Tùng	286.792.000	-
- Các đối tượng khác	2.550.286.392	1.037.816.471
Cộng	10.605.796.913	2.075.975.458

5.3 Phải thu khác

- Ban QLDA Chuyên ngành dân dụng và công nghiệp [a]	7.968.278.328	7.952.278.328
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Lãi đầu tư) [b]	7.680.015.334	7.680.015.334
- Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Lãi đầu tư) [b]	1.610.688.846	1.610.688.846
- Thuế truy thu năm 2018 chờ xử lý	862.852.029	862.852.029
- Phải thu Thuế TNCN của nhân viên	473.580.060	846.426.514
- Hiệp hội DN Khoa học và công nghệ VN	503.636.324	503.636.324
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	7.416.128	386.470.418
- Ông Hoàng Đức Thảo - Thuế TNCN thù lao tác giả [b]	-	3.434.453.198
- Đối tượng khác	534.405.265	533.366.263
Cộng	19.640.872.314	23.810.187.254

[a] Khoản phải thu đang chờ quyết toán với các dự án có nguồn vốn ODA và các dự án khác được UBND tỉnh giao Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị làm chủ đầu tư (hiện các tài sản của dự án này đã bàn giao lại cho UBND tỉnh).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

[b] Bên liên quan.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

6.1	Dự phòng Phải thu khách hàng khó đòi	(7.318.801.803)	(9.391.373.638)
6.2	Dự phòng của khoản Trả trước cho người bán	(514.902.800)	(438.302.800)
	Cộng	(7.833.704.603)	(9.829.676.438)

6.1 Dự phòng Phải thu khách hàng khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Cơ khí xây dựng cấp thoát nước Viwase2	1.707.135.000	(1.707.135.000)	1.707.135.000	(1.194.994.500)
- Công ty xây dựng Đồng Tâm	1.200.173.500	(1.200.173.500)	1.200.173.500	(1.200.173.500)
- UBND Xã Quang Bình	649.176.400	(649.176.400)	649.176.400	(649.176.400)
- UBND Xã Vũ Thắng	394.960.000	(394.960.000)	394.960.000	(394.960.000)
- Công ty CP Xây dựng Bắc Ninh	376.473.218	(376.473.218)	426.473.218	(426.473.218)
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải	366.346.700	(366.346.700)	366.346.700	(366.346.700)
- Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa	333.396.600	(333.396.600)	333.396.600	(333.396.600)
- Công ty TNHH TV XD TH Quảng Ninh	326.483.500	(326.483.500)	326.483.500	(326.483.500)
- UBND Xã Hoa Nam	315.468.000	(233.908.480)	810.922.880	(810.922.880)
- Công ty CP Xây dựng Vận tải Hoàng Ngân	284.643.300	(264.643.300)	284.643.300	(199.250.310)
- Công ty CP Thương mại và Xây lắp An Phú	236.066.735	(236.066.735)	236.066.735	(236.066.735)
- Công ty CP LICOGI 16	233.301.645	(233.301.645)	233.301.645	(233.301.645)
- Các đối tượng khác	1.852.909.950	(996.736.725)	3.130.328.150	(3.019.827.650)
	Cộng	8.276.534.548 (7.318.801.803)	10.099.407.628 (9.391.373.638)	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

6.2 Dự phòng của khoản Trả trước cho người bán tồn đọng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế XD Toàn Thắng	135.000.000	(135.000.000)	135.000.000	(135.000.000)
- Bà Trần Thị Phương Anh (CT Vũng Áng)	132.787.400	(132.787.400)	132.787.400	(132.787.400)
- Exp International Services Inc	75.000.000	(52.500.000)	75.000.000	(22.500.000)
- Công ty CP Tư vấn và Kỹ thuật XD VN.CIC	75.000.000	(52.500.000)	75.000.000	(22.500.000)
- Văn phòng Luật sư Trường Trương Xuân Tâm	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
- Các đối tượng khác	104.565.400	(92.115.400)	104.565.400	(75.515.400)
Cộng	572.352.800	(514.902.800)	572.352.800	(438.302.800)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	3.958.582.491	5.643.590.681
- Công cụ, dụng cụ	97.564.965	41.566.225
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	81.901.476.631	103.874.991.258
- Thành phẩm	22.931.434.003	25.631.134.112
- Hàng hoá	215.060.854	215.060.854
- Hàng gửi bán	6.457.265.862	1.435.407.878
Cộng	115.561.384.806	136.841.751.008

(*) Trong đó Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tính đến ngày 31/12/2022 của Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ đê biển Đông khu vực cửa biển Rạch Góc, cửa biển Vàm Xoáy (gọi tắt là “Công trình kè Rạch Góc”) là 44.965.451.252 Đồng. Doanh thu dự kiến sẽ thu được theo Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng số 89/2018-HĐTC-EPC ngày 14/08/2018 là 33.547.725.000 Đồng; ước tính Giá trị tồn thất chưa được ghi nhận là (11.417.726.252) Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

8. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	52.277.013	52.277.013
- Phát sinh trong năm	12.161.250.789	13.615.862.209
- Khấu trừ thuế GTGT đầu ra	(12.160.745.738)	(13.615.862.209)
- Các khoản điều chỉnh khác	(505.051)	-
- Số cuối năm	52.277.013	52.277.013

9. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ban Quản lý DA ĐTXD Quận Hoàn Kiếm	40.672.000	40.672.000
- Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	5.000.000	5.000.000
- Công ty Xây lắp Điện & TM Tổng hợp Thanh Bé	4.998.611	4.998.611
Cộng	50.670.611	50.670.611

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu \ Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
- Số đầu năm	41.942.040.318	17.597.486.873	53.183.511.805	2.680.252.980	115.403.291.976
- Mua trong năm	-	1.952.113.805	7.245.717.785	99.445.228	9.297.276.818
- Thanh lý trong năm	-	-	(1.539.386.805)	-	(1.539.386.805)
- Số cuối năm	41.942.040.318	19.549.600.678	58.889.842.785	2.779.698.208	123.161.181.989
Giá trị hao mòn					
- Số đầu năm	37.293.722.017	12.019.800.672	41.643.172.358	2.224.339.506	93.181.034.553
- Khấu hao trong năm	868.042.269	2.899.390.587	2.329.909.059	242.465.877	6.339.807.792
- Thanh lý trong năm	-	-	(1.539.386.805)	-	(1.539.386.805)
- Số cuối năm	38.161.764.286	14.919.191.259	42.433.694.612	2.466.805.383	97.981.455.540
Giá trị còn lại					
- Số đầu năm	4.648.318.301	5.577.686.201	11.540.339.447	455.913.474	22.222.257.423
- Số cuối năm	3.780.276.032	4.630.409.419	16.456.148.173	312.892.825	25.179.726.449
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng					
- Số đầu năm	25.622.577.112	8.100.693.778	37.487.885.441	1.326.351.418	72.537.507.749
- Số cuối năm	30.953.644.308	11.970.587.330	35.948.498.636	2.347.268.208	81.219.998.482

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm có nguyên giá là 117.015.000 Đồng đã khấu hao hết.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cải tạo sửa chữa nhà máy thái Bình	7.403.641.704	-
- Nhà trưng bày mô hình và thử nghiệm nhà vòm lắp ghép	6.885.976.248	-
- Thử nghiệm kè Nam Đình Vũ	6.925.693.457	-
- Dựng xưởng Phan Rang	6.225.079.036	-
- Thi công xưởng Công nghệ Bà Rịa	4.495.394.136	-
- Thử nghiệm nhà bê tông cốt phi kim siêu nhẹ tại Thái Bình	4.047.447.898	-
- Thử nghiệm tường đá tự nhiên nguyên khối lắp ghép	3.751.010.231	-
- Dựng xưởng Hậu Giang	2.424.967.474	-
- Dự án đầu tư nhà máy công nghệ tại Thái Bình	70.170.000	70.170.000
- Dự án đầu tư Xưởng công nghệ Nha Trang mới	-	1.768.388.289
- Dự án xây dựng khác	347.255.719	536.570.113
- Cộng	42.576.635.903	2.375.128.402
13. Đầu tư vào công ty con	12.333.354.794	12.115.854.794

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong năm, Công ty mua thêm 21.750 cổ phiếu, tại ngày 31/12/2022, tỷ lệ góp vốn (tỷ lệ lợi ích) của Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 67,49% vốn thực góp tại Công ty con.

14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết **7.996.500.000** **7.996.500.000**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tại ngày 31/12/2022, tỷ lệ góp vốn (tỷ lệ lợi ích) của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là 39,98% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	13.733.077.365	17.261.175.074
- Tăng trong năm	14.828.703.362	13.408.393.510
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(13.433.654.337)	(16.936.491.219)
- Số cuối năm	15.128.126.390	13.733.077.365

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu [*]	31.546.812.771	29.071.809.745
- Công ty TNHH TM Thần Phong	4.093.709.738	647.747.288
- Công ty TNHH Nghĩa Thành	2.965.473.271	4.775.314.931
- Công ty TNHH MMV	2.317.182.952	1.199.616.000
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức [*]	2.187.030.500	1.489.915.990
- Công ty TNHH KD Thép vật tư Thái Bình	2.125.529.633	113.984.105
- Công ty TNHH Xăng dầu Long Thịnh Phát	1.735.736.050	263.965.000
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Minh Khang Khánh Hòa	1.033.691.183	338.630.000
- Công ty TNHH TM & DV Bảo Hà	985.740.000	-
- Cửa hàng Trung Hòa	955.949.300	703.149.380
- Công ty Cổ phần TM Hóa dầu miền Nam	521.837.760	735.072.510
- Công ty TNHH Đại Thanh	457.485.501	1.266.585.510
- Công ty CP ĐT và DV Tổng hợp Trung Thành	276.252.000	5.097.738.200
- Các đối tượng khác	14.767.277.265	8.355.652.493
Cộng	65.969.707.924	54.059.181.152

[*] Bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ban XD Năng lực và thực hiện các DA ODA Ngành nước tỉnh Ninh Thuận	23.045.547.674	-
- Ban QLDA ĐT XD các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Bình	8.714.292.000	8.714.292.000
- Ban QLDA công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cà Mau BD	7.246.308.000	7.246.308.000
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	6.539.883.056	-
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	152.412.421	3.493.653.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	2.620.752.202	-
- Công ty Cổ phần XD và PT Nông thôn 10	1.906.457.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng 2 TP Vũng Tàu	1.881.992.005	-
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư - Xây dựng HJC	1.590.233.040	60.658.200
- Công ty Cổ phần ĐT PT Hạ tầng Rạng Đông	1.309.914.497	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH ĐT XD Phú Mỹ	894.409.000	-
- Công ty Cổ phần XD và Thiết kế số 1 (Decofi) - Kè Quê Hương	526.793.636	-
- Công ty Cổ phần Khu Du lịch Làng Chài	-	7.287.129.000
- Các đối tượng khác	3.145.842.873	3.377.165.298
Cộng	60.574.837.404	31.179.205.498

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	19.087.627.798	8.787.069.489	19.405.371.284	8.469.326.003
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.783.161.701	1.286.510.419	2.401.258.130	1.668.413.990
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.487.929.847	2.616.616.829	3.670.342.380	434.204.296
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	683.638.242	683.638.242	-
- Các loại thuế khác phải nộp	454.131.555	-	-	454.131.555
- Phí lệ phí	129.818.161	5.000.000	5.000.000	129.818.161
Cộng	23.942.669.062	13.378.834.979	26.165.610.036	11.155.894.005

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

- Nước sinh hoạt : 5%
- Sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ : 8% và 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được tính bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

	Số cuối năm	Số đầu năm
19. Phải trả người lao động	2.524.305.649	1.470.114.266
Lương và các khoản thu nhập khác còn phải trả cho người lao động.		
20. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Ông Hoàng Đức Thảo - Phải trả thù lao bản quyền tác giả [*]	8.959.663.060	10.267.753.138
- Phải trả chi phí thi công các công trình thuộc dự án thu gom, xử lý và thoát nước TP. Vũng Tàu	29.946.410.977	29.946.410.977
- Phải trả chi phí thuê xưởng	-	37.659.732
- Chi phí thi công công trình	-	10.000.000.000
Cộng	38.906.074.037	50.251.823.847
[*] Bên liên quan.		
21. Phải trả ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	1.624.235.138	1.652.536.312
- Bảo hiểm xã hội	401.612.233	56.585.662
- Bảo hiểm y tế	3.984.077	97.722.342
- Bảo hiểm thất nghiệp	125.734.328	74.981.248
- Phải trả Nhà nước về cổ phần hoá [*]	7.564.354.756	7.564.354.756
- Các khoản phải trả, phải nộp khác [**]	7.241.757.369	8.492.589.695
Cộng	16.961.677.901	17.938.770.015
[*] Phải trả Nhà nước về cổ phần hoá		
- Tiền bán cổ phần Nhà Nước	99.043.424.000	99.043.424.000
- Trừ chuyển nộp tiền bán cổ phần	(92.724.112.200)	(92.724.112.200)
- Trừ chi phí cổ phần hóa	(840.001.467)	(840.001.467)
- Trừ tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần	(2.782.845.206)	(2.782.845.206)
- Lợi nhuận và các khoản phải nộp khác	4.867.889.629	4.867.889.629
Cộng	7.564.354.756	7.564.354.756

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

[] Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả về cổ phần hoá (Tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần)	2.782.845.206	2.782.845.206
- Hoàng Văn Thắng	1.083.256.044	49.785.620
- Nguyễn Văn Dương	719.250.223	682.983.939
- Cổ tức phải trả	204.304.370	123.975.760
- Hoàng Thị Minh Trang	331.893.386	-
- Nguyễn Thị Thu Hà CNMB	330.784.972	330.784.972
- Vũ Huy Giảng CNMB	176.000.000	176.000.000
- Nguyễn Thái Quang	174.651.253	2.760.000
- Phạm Thị Hà CNMB	113.000.000	113.000.000
- Các đối tượng khác	1.325.771.915	4.230.454.198
Cộng	7.241.757.369	8.492.589.695

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	22.825.247.444	17.531.199.901
- Vay trong năm	36.473.270.335	39.689.908.886
- Trả nợ vay trong năm	(37.836.049.512)	(34.395.861.343)
- Số cuối năm	21.462.468.267	22.825.247.444

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/600410/HĐTD ngày 26/7/2022, các điều khoản cơ bản như sau:

- Hạn mức : 115.000.000.000 Đồng, trong đó hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán tối đa là 25.000.000.000 Đồng
- Thời hạn : 12 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Thời gian và Lãi : Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể được phát suất vay hành
- Tài sản đảm bảo : Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/600410/HĐCC ngày 31/7/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

	Số cuối năm	Số đầu năm
23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.929.993.494)	-

Khoản chi Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên nhưng chưa có nguồn bù đắp.

24. Phải trả dài hạn khác	356.119.000	356.119.000
----------------------------------	--------------------	--------------------

Nhận ký quỹ của khách hàng được theo dõi tại Văn phòng Công ty.

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A Năm trước				
25.1 Vốn góp của CSH	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
25.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.147.924.024	18.521.502.997	(19.000.000.000)	18.669.427.021
Cộng	119.147.924.024	18.521.502.997	(19.000.000.000)	118.669.427.021
B Năm nay				
25.1 Vốn góp của CSH	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
25.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.669.427.021	4.703.263.363	(18.500.000.000)	4.872.690.384
Cộng	118.669.427.021	4.703.263.363	(18.500.000.000)	104.872.690.384

25.1 Vốn góp của chủ sở hữu

▪ Tình hình cổ phiếu		
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	10.000.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

- Chi tiết vốn góp của các Cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	2.750.000	27,50%	2.750.000	27,50%
- Công ty Cổ phần Việt Hoàng Huy	2.478.500	24,79%	2.478.500	24,79%
- Ông Vũ Quốc Vương	-	-	1.209.848	12,10%
- Ông Hoàng Đức Thảo	1.203.450	12,03%	1.203.450	12,03%
- Bà Nguyễn Thị Trinh	980.769	9,81%	980.769	9,81%
- Bà Hoàng Thị Thắm	10.082	0,10%	13.082	0,13%
- Bà Trần Thị Vân Anh	1.569.748	15,70%	-	-
- Các cổ đông khác	1.007.451	10,07%	1.364.351	13,64%
Cộng	10.000.000	100,00%	10.000.000	100,00%

25.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận CPP năm trước	18.669.427.021	19.147.924.024
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(18.500.000.000)	(19.000.000.000)
+ Chia cổ tức của năm trước	(18.500.000.000)	(19.000.000.000)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	169.427.021	147.924.024
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4.703.263.363	18.521.502.997
Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	4.872.690.384	18.669.427.021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG NĂM 2022

	ĐVT: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	161.442.160.858	167.775.886.192
- Doanh thu hoạt động thi công công trình	95.817.947.457	145.012.730.982
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá trị quyết toán của những năm trước	(5.593.071.900)	(114.152.724)
Cộng	251.667.036.415	312.674.464.450
27. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	86.986.171.406	90.246.101.195
- Giá vốn hoạt động thi công công trình	89.968.294.714	133.410.496.233
Cộng	176.954.466.120	223.656.597.428
28. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	442.904.715	622.445.881
- Cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư vốn	639.720.000	879.615.000
Cộng	1.082.624.715	1.502.060.881
29. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.564.737.455	670.678.909
- Chi phí tài chính khác	323.304.718	312.185
Cộng	1.888.042.173	670.991.094

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

30. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	932.664.318	898.503.729
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	147.489.953
- Chi phí bảo hành	60.000.000	23.481.818
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.415.001	143.297.928
- Chi phí bằng tiền khác	2.402.214.615	4.595.859.909
Cộng	4.418.293.934	5.808.633.337

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	38.973.762.289	33.681.128.582
- Chi phí vật liệu quản lý	21.041.429	338.588.213
- Chi phí đồ dùng văn phòng	660.931.828	1.236.869.001
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.560.976.711	3.560.708.518
- Thuế, phí và lệ phí	770.321.906	567.093.518
- Chi phí dự phòng	(1.995.971.835)	1.096.539.440
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	671.968.360	434.540.628
- Chi phí bằng tiền khác	22.236.322.655	22.102.903.308
Cộng	62.899.353.343	63.018.371.208

32. Chi phí khác

- Các khoản tiền phạt	248.696.867	143.626.632
- Chi phí khác	381.642.450	66.564.585
Cộng	630.339.317	210.191.217

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

33. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.989.773.782	20.904.226.069
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	1.082.498.314	3.802.619.650
- Trừ (-) Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(639.720.000)	(879.615.000)
- Tổng Thu nhập tính thuế	6.432.552.096	23.827.230.719
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	1.286.510.419	4.765.446.144
- Thuế TNDN được ưu đãi giảm 50%	-	(2.382.723.072)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.286.510.419	2.382.723.072

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các Bên liên quan****❖ Xác định Bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Việt Hoàng Huy	Cổ đông lớn
- Ông Hoàng Đức Thảo	Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty con
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên doanh, liên kết
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Ban điều hành Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

❖ **Số dư nợ và giao dịch với các Bên liên quan trong năm như sau:**

- Tổng thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

	Chức vụ	Số tiền
- Hội đồng quản trị		601.960.000
+ Hoàng Đức Thảo	Phó Chủ tịch	201.960.000
+ Nguyễn Thị Hương	Chủ tịch	142.000.000
+ Nguyễn Văn Lưu	Thành viên	86.000.000
+ Hoàng Đình Nhu	Thành viên	86.000.000
+ Nguyễn Văn Sang	Thành viên	86.000.000
- Ban kiểm soát		167.500.000
+ Hoàng Thị Thắm	Trưởng BKS	83.500.000
+ Hoàng Văn Nghĩa	Thành viên BKS	36.000.000
+ Hoàng Thị Vui	Thành viên BKS	48.000.000
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng		3.615.518.035
+ Hoàng Đức Thảo	Tổng GD	551.760.000
+ Tôn Thất Kha	Phó tổng GD Cty	451.521.081
+ Hoàng Văn Nghĩa	Phó tổng GD Cty	462.363.636
+ Nguyễn Quang Tùng	Phó tổng GD Cty	442.564.654
+ Hoàng Thị Minh Trang	Phó tổng GD Cty	421.222.224
+ Đỗ Anh Tuấn	Phó tổng GD Cty	411.532.609
+ Nguyễn Võ Khoa	Phó tổng GD Cty	415.000.000
+ Hoàng Thị Hương	Kế toán trưởng	459.553.831
Cộng		4.384.978.035

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

- Giao dịch với Công ty con, liên doanh liên kết và các Bên liên quan khác trong năm như sau:

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu tiền bán hàng				
- Công ty CP ĐT và PT Đô thị tỉnh BRVT	6.898.112.305	1.875.169.792	4.716.940.268	4.056.341.829
Phải thu khác				
- Công ty CP ĐT và PT Đô thị tỉnh BRVT	7.680.015.334	-	-	7.680.015.334
- Công ty CP DV Đô thị Tân Thành tỉnh BRVT	1.610.688.846	-	-	1.610.688.846
- Ông Hoàng Đức Thảo (Tiền thuế TNCN thù lao bản quyền tác giả)	3.434.453.198	-	3.434.453.198	-
Phải trả tiền mua hàng, Phải trả khác				
- Công ty CP ĐT và PT Đô thị tỉnh BRVT	29.071.809.745	5.718.879.439	3.243.876.413	31.546.812.771
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	1.489.915.990	4.508.224.600	3.811.110.090	2.187.030.500
- Công ty CP Việt Hoàng Huy	(145.684.700)	2.563.906.120	2.375.628.020	42.593.400
- Ông Hoàng Đức Thảo (Tiền thù lao bản quyền tác giả)	10.267.753.138	7.674.000.000	8.982.090.078	8.959.663.060

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Quyết định số 01/2023 ngày 31/01/2023 của Thủ Tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Công ty đang thực hiện các thủ tục để được xem xét giảm theo quy định.

Ngoài vấn đề trên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2022 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

3. Thông tin về báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động dịch vụ công ích	Hoạt động thi công công trình	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần	155.849.088.958	95.817.947.457	251.667.036.415
- Giá vốn hàng bán	86.986.171.406	89.968.294.714	176.954.466.120
- Lợi nhuận gộp	68.862.917.552	5.849.652.743	74.712.570.295
Năm trước			
- Doanh thu thuần	167.775.886.192	144.898.578.258	312.674.464.450
- Giá vốn hàng bán	90.246.101.195	133.410.496.233	223.656.597.428
- Lợi nhuận gộp	77.529.784.997	11.488.082.025	89.017.867.022

Theo khu vực địa lý

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

4. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 sau đây:

- Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; và Nghị định 41/2022/NĐ-CP ngày 20/06/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.
- Nghị định 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2022.
- Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Năm 2022

- Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng tại doanh nghiệp.

Thành phố Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo

